

Tên thủ tục:	Thủ tục giải quyết tố cáo	Ghi chú
Cơ quan thực hiện:	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh	
Cơ sở pháp lý:	<p>- Luật Tố cáo năm 2018.</p> <p>- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.</p> <p>- Thông tư 06/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ Thông tư quy định quy trình giải quyết tố cáo;</p> <p>- Quyết định số 700/QĐ-TTCP ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giải quyết tố cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra Chính phủ.</p> <p>- Văn bản số 292/TTCP-VP ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Thanh tra Chính phủ về việc đính chính nội dung tại Quyết định số 700/QĐ-TTCP ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Thanh tra Chính phủ.</p>	
Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Thụ lý tố cáo</p> <p>Nếu tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Tố cáo năm 2018, người tố cáo phải gửi đơn và các tài liệu liên quan (nếu có) đến người có thẩm quyền giải quyết.</p> <p>Trước khi thụ lý tố cáo, nếu tố cáo thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở thì Giám đốc Sở xác minh hoặc giao cơ quan thanh tra cùng cấp hoặc phòng, ban chuyên môn thuộc sở xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo. Trường hợp người tố cáo không cư trú tại địa bàn quản lý hoặc gặp khó khăn trong việc xác minh thì người giải quyết tố cáo có thể ủy quyền cho cơ quan nhà nước ngang cấp hoặc cơ quan nhà nước cấp dưới xác minh thông tin cần thiết phục vụ việc ra quyết định thụ lý tố cáo. Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi đủ các điều kiện sau:</p>	<p>- Biểu mẫu</p> <p>+ Thông báo không thụ lý (mẫu 02-TCTHông tư 06/2013/TT-TTCP);</p> <p>+ Công văn chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền (mẫu 05 – XLD thông tư 07/2014/TT-TTCP);</p> <p>+ Quyết định thụ lý và thành lập tổ xác minh (mẫu 05-TCTHông tư 06/2013);</p> <p>+ Quyết định thụ lý và giao nhiệm vụ xác minh cho Thanh Tra</p>

	<p>a) Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Tố cáo năm 2018:</p> <p>+ Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn thì trong đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ tên, địa chỉ của người tố cáo, cách thức liên hệ với người tố cáo; hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo; người bị tố cáo và các thông tin khác có liên quan. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì trong đơn tố cáo còn phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người tố cáo; họ tên của người đại diện cho những người tố cáo. Người tố cáo phải ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn tố cáo.</p> <p>+ Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Tố cáo năm 2018. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu những người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản.</p> <p>b) Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo;</p> <p>d) Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật. Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải</p>	<p>Sở (mẫu 06-TC thông tư 06/2013);</p> <p>+ Quyết định thành lập Tổ xác minh (mẫu 07-TC thông tư 06/2013/TT-TTCP);</p> <p>+ Kế hoạch xác minh (mẫu 01 ban hành kèm Quyết định 12/2014/QĐ-UBND ngày 13/3/2014);</p> <p>+ Biên bản làm việc (mẫu 9-TC thông tư 06/2013/TT-TTCP)</p> <p>+ Biên bản xác minh thực tế (Mẫu 02 quyết định 12/2014/QĐ-UBND)</p> <p>+ Văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức liên quan cung cấp thông tin (mẫu 10-TC thông tư 06/2013/TT-TTCP)</p> <p>+ Biên nhận tài liệu (mẫu 11-TC thông tư 06/2013/TT-TTCP);</p> <p>+ Quyết định gia hạn thời gian giải quyết (mẫu 13-TC thông tư 06/2013/TT-TTCP);</p> <p>+ Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo của Tổ xác minh (mẫu 14-TC thông tư 06/2013/TT-TTCP);</p> <p>+ Báo cáo kết quả</p>
--	--	---

quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thông báo cho người tố cáo và thông báo về nội dung tố cáo cho người bị tố cáo biết.

Bước 2: Xác minh nội dung tố cáo

1. Nếu tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc sở thì Giám đốc sở tiến hành xác minh hoặc giao cơ quan thanh tra cùng cấp hoặc phòng, ban chuyên môn thuộc sở và cấp tương đương xác minh nội dung tố cáo (gọi chung là người xác minh nội dung tố cáo). Việc giao xác minh nội dung tố cáo phải thực hiện bằng văn bản.

2. Trường hợp người giải quyết tố cáo giao cơ quan thanh tra cùng cấp hoặc các phòng, ban chuyên môn thuộc sở xác minh nội dung tố cáo thì văn bản giao xác minh nội dung tố cáo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Tố cáo. Thủ trưởng cơ quan Thanh tra hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo có trách nhiệm thành lập Tổ xác minh theo quy định.

3. Văn bản giao xác minh nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây: ngày, tháng, năm giao xác minh; người được giao xác minh nội dung tố cáo; họ tên, địa chỉ của người bị tố cáo; tên gọi, trụ sở của cơ quan, tổ chức bị tố cáo; nội dung cần xác minh; thời gian tiến hành xác minh; quyền và trách nhiệm của người được giao xác minh nội dung tố cáo.

4. Người xác minh nội dung tố cáo phải tiến hành các biện pháp cần thiết để thu thập thông tin, tài liệu, làm rõ nội dung tố cáo. Thông tin, tài liệu thu thập phải được ghi chép thành văn bản, khi cần thiết thì lập thành biên bản, được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc tố cáo.

5. Trong quá trình xác minh, người xác minh nội dung tố cáo phải tạo điều kiện để người bị tố cáo giải trình, đưa ra các chứng cứ để chứng minh tính

xác minh (mẫu 15-TC thông tư 06/2013/TT-TTCP);

+ Kết luận nội dung tố cáo (mẫu 16-TC thông tư 06/2013/TT-TTCP)

đúng, sai của nội dung cần xác minh.

6. Người xác minh nội dung tố cáo được thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 11 của Luật Tố cáo năm 2018 theo phân công của người giải quyết tố cáo.

7. Kết thúc việc xác minh nội dung tố cáo, người được giao xác minh phải có văn bản báo cáo người giải quyết tố cáo về kết quả xác minh nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý.

Bước 3: Kết luận nội dung tố cáo

Theo quy định tại Điều 35 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 17 Nghị định số 31/2019/NĐ-TTCP:

1. Căn cứ nội dung tố cáo, giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, Giám đốc Sở ban hành kết luận nội dung tố cáo. Kết luận nội dung tố cáo phải có các nội dung chính sau đây:

a) Kết quả xác minh nội dung tố cáo;

b) Căn cứ pháp luật để xác định có hay không có hành vi vi phạm pháp luật;

c) Kết luận về nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc tố cáo sai sự thật; xác định trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung tố cáo;

d) Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền cần thực hiện; kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm pháp luật;

đ) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật, áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trường hợp giải quyết lại vụ việc tố cáo thì ngoài các nội dung trên, người giải quyết tố cáo phải kết luận về những nội dung vi phạm pháp luật, sai

lầm hoặc không phù hợp của việc giải quyết tố cáo trước đó (nếu có); xử lý theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo, kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết tố cáo trước đó.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo gửi kết luận nội dung tố cáo đến người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thông báo về kết luận nội dung tố cáo đến người tố cáo.

Bước 4: Xử lý kết luận nội dung tố cáo

Theo quy định tại Điều 36 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 18 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP:

1. Chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo căn cứ vào kết luận nội dung tố cáo tiến hành việc xử lý như sau:

a) Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật;

b) Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp hành vi vi phạm của người bị tố cáo có dấu hiệu của tội phạm thì chuyển ngay hồ sơ vụ việc đến Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày

	<p>có kết quả xử lý, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý kiến nghị trong kết luận nội dung tố cáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người giải quyết tố cáo về kết quả xử lý. Người giải quyết tố cáo có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc hoặc giao cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo thì cơ quan thanh tra nhà nước phải định kỳ hàng tháng báo cáo với người giải quyết tố cáo về kết quả theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo.</p>	
Cách thức thực hiện:	<p>Có 02 hình thức tố cáo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tố cáo được thực hiện bằng đơn (gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết). - Tố cáo được trình bày trực tiếp với cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền. 	
Thành phần số lượng hồ sơ:	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Đơn tố cáo hoặc văn bản ghi nội dung tố cáo + Các tài liệu liên quan. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ 	
Thời gian giải quyết:	<p>Theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018:</p> <p>Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.</p>	
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân	
Kết quả:	Kết luận nội dung tố cáo và việc xử lý kết luận nội dung tố cáo	
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Tố cáo năm 2018: Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:	

TTHC:	<p>a) Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật Tố cáo;</p> <p>b) Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo;</p> <p>d) Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật. Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.</p>	
Lệ phí:	Không	